

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TECHONE**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TECHONE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TECHONE TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TECHONE TRADING ., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109285730

**3. Ngày thành lập:** 28/07/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Xóm Chùa, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                      | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít | 2022     |
| 2.  | Xây dựng nhà để ở                                                              | 4101     |
| 3.  | Xây dựng nhà không để ở                                                        | 4102     |
| 4.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                   | 4212     |
| 5.  | Xây dựng công trình điện                                                       | 4221     |
| 6.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                            | 4222     |
| 7.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                             | 4223     |
| 8.  | Xây dựng công trình thủy                                                       | 4291     |
| 9.  | Xây dựng công trình khai khoáng                                                | 4292     |
| 10. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                          | 4293     |
| 11. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                     | 4299     |
| 12. | Phá dỡ                                                                         | 4311     |
| 13. | Chuẩn bị mặt bằng                                                              | 4312     |
| 14. | Lắp đặt hệ thống điện                                                          | 4321     |
| 15. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí          | 4322     |
| 16. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                 | 4329     |
| 17. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                 | 4330     |
| 18. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                            | 4390     |
| 19. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa            | 4610     |
| 20. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                             | 4649     |
| 21. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                            | 4651     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 22. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4653        |
| 23. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4659        |
| 24. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(không bao gồm vàng và kim loại quý khác)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4662        |
| 25. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:- Bán buôn sơn và véc ni;<br>- Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi;<br>- Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn;<br>- Bán buôn kính phẳng;<br>- Bán buôn đồ ngũ kim và khoá;<br>- Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;<br>- Bán buôn bình đun nước nóng;<br>- Bán buôn thiết bị vệ sinh như: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác;<br>- Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...;<br>- Bán buôn dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.<br>Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>- Bán buôn xi măng đen, xi măng trắng;<br>- Bán buôn clanhke.<br>Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>- Bán buôn vật liệu xây dựng khác.<br>- Bán buôn sơn, véc ni sơn gỗ, sơn sắt thép;<br>- Bán buôn bột bả, sơn tường, trần nhà, bột chống thấm.<br>-Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh | 4663(Chính) |
| 26. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4661        |
| 27. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Bán buôn hoá chất công nghiệp như: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...;<br>- Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4669        |
| 28. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4690        |
| 29. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4752        |
| 30. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7310        |
| 31. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8299        |
| 32. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4932        |
| 33. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4933        |
| 34. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7710        |

|     |                                                                                  |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|------|
| 35. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>(Không bao gồm hoạt động đầu giá)         | 4511 |
| 36. | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)<br>(Không bao gồm hoạt động đầu giá) | 4512 |
| 37. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                        | 5510 |
| 38. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                 | 5610 |
| 39. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên<br>với khách hàng      | 5621 |
| 40. | Dịch vụ ăn uống khác                                                             | 5629 |
| 41. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                          | 5630 |
| 42. | Bán buôn đồ uống                                                                 | 4633 |
| 43. | Bán buôn thực phẩm                                                               | 4632 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Nơi đăng ký hộ<br>khẩu thường trú<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN THỊ<br>DUNG | Xóm Chùa, Xã<br>Tân Triều, Huyện<br>Thanh Trì, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam                     | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 10.000        | 100.000.000              | 10,000       | 0011890250<br>35                                                                                                       |            |
|     |                    |                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                     | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                     | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                     | Tổng số                            | 10.000        | 100.000.000              | 10,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                     |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                    |                                                                                    |                                    |        |             |        |                  |  |
|---|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------|-------------|--------|------------------|--|
| 2 | TỔNG TIẾN<br>THÀNH | Thôn Cao Trại,<br>Xã Thụy Việt,<br>Huyện Thái Thụy,<br>Tỉnh Thái Bình,<br>Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 10.000 | 100.000.000 | 10,000 | 0340920071<br>85 |  |
|   |                    |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                    |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                    |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                    |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                    |                                                                                    | Tổng số                            | 10.000 | 100.000.000 | 10,000 |                  |  |
|   |                    |                                                                                    |                                    |        |             |        |                  |  |
| 3 | TỔNG DUY<br>NGŨ    | Xóm Chùa, Xã<br>Tân Triều, Huyện<br>Thanh Trì, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam    | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 80.000 | 800.000.000 | 80,000 | 0080840002<br>59 |  |
|   |                    |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                    |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                    |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                    |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                    |                                                                                    | Tổng số                            | 80.000 | 800.000.000 | 80,000 |                  |  |
|   |                    |                                                                                    |                                    |        |             |        |                  |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     |             |                                                                                  |                 |               |                                                                                     |              |                                                                                                                                             |            |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TÔNG DUY NGŨ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/06/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 008084000259

Ngày cấp: 29/06/2020

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Chùa, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Xóm Chùa, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội